

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THĂNG BÌNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-01-2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Liên.

+ Ông Lưu Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị N, sinh năm: 1990; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mai Xuân Thanh T, sinh năm: 1985; vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 15, thôn Q, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng 04 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh T cờ bạc, nợ nần nên vợ chồng xảy ra cãi vã và anh T nhiều lần đánh đập chị. Hiện nay, giữa chị và anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T và hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Mai Ngọc V, sinh ngày 30/11/2012. Chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Mai Xuân Thanh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn và giao cháu Mai Ngọc V, sinh ngày 30/11/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hà Thị N có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Mai Xuân Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 15, thôn Q, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Chị N yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Mai Xuân Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 12/7/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh T xảy ra mâu thuẫn; theo chị N nguyên nhân là do anh T cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con và còn

nhiều lần đánh đập chị nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Thực tế giữa chị và anh T đã sống ly thân 02 năm nay và không còn tình cảm gì với nhau nên chị xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt. Tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị N vẫn cương quyết ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị N và anh T có một con chung tên Mai Ngọc V, sinh ngày 30/11/2012. Chị N có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, cháu V từ nhỏ cho đến nay đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tại biên bản lấy lời khai cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Mai Xuân Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc V, sinh ngày 30/11/2012 cho chị Hà Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh Mai Xuân Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N

đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0005529 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã B, Thăng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Văn Thế

